

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
Đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lẫm

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang.

Bà Hồ Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2020/TLST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐXXST - DS, ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Lê Thị N1.

Nguyễn Văn N.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 2, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2020, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/8/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào ngày 29/01/2013 bà có cho cháu bà là Lê Thị N1 mượn số tiền 10.000.000 đồng, việc mượn tiền có làm biên nhận, thỏa thuận khi cắt lúa vụ Đông Xuân sẽ trả. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả số tiền trên nhưng bà N1 vẫn chưa trả. Nay bà yêu cầu bà N1 trả số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà N1, ông N.

[2] Nội dung vụ án:

Vào ngày 29/01/2013 bà Lê Thị L có cho cháu là Lê Thị N1 mượn số tiền 10.000.000 đồng, việc mượn tiền có làm biên nhận cùng ngày, thỏa thuận cắt vụ lúa Đông Xuân bà N1 sẽ trả. Tuy nhiên đến thời hạn thỏa thuận trả nợ bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà N1 vẫn không trả. Do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N1 trả cho bà số nợ 10.000.000 đồng. Đối với bị đơn bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Do có mối quan hệ bà con nên ngày 29/01/2013 bà Lê Thị L có cho cháu là bà Lê Thị N1 mượn số tiền 10.000.000, việc mượn tiền bà N1 có làm biên nhận cùng ngày 29/01/2013, trong biên nhận không thỏa thuận thời hạn thanh toán nhưng giữa bà L và bà N1 thỏa thuận khi cắt xong vụ lúa Đông Xuân bà N1 sẽ trả số tiền trên. Đến thời hạn thỏa thuận bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả số tiền 10.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi

kiện của mình bà L có cung cấp biên nhận mượn tiền ngày 29/01/2013. Nội dung biên nhận ghi “ *tôi là Lê Thị L có vay tiền ngân hàng Liên Việt chia cho cháu tôi là Lê Thị N1 và chồng là Nguyễn Văn N mượn 10.000.000 đồng*” phần cuối biên nhận có chữ ký người mượn nợ của bà Lê Thị N1 và ông Nguyễn Văn N. Xét thấy biên nhận mượn tiền ngày 29/01/2013 có chữ ký và ghi tên bà Lê Thị N1 và ông Nguyễn Văn N nhưng tại phiên tòa bà L trình bày khi bà N1 hỏi mượn số tiền 10.000.000 đồng thì bà trực tiếp giao cho bà N1, không có giao cho ông N, sau đó bà viết biên nhận yêu cầu bà N1 ký tên vào biên nhận, còn ông N có ký hay không bà không biết, bà chỉ yêu cầu bà N1 trả số nợ trên. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N1 để xác định có mượn của bà L số tiền 10.000.000 đồng, chữ ký và họ tên trong biên nhận có phải bà N1 ký hay không nhưng bà N1 vắng mặt.

[4] Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định “ *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc* ”.

[5] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ biên nhận nợ ngày 29/01/2013 và lời trình bày của bà L buộc bà N1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự: Bà N1 phải chịu theo quy định.

[7] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 512, 513, 514 Bộ luật dân sự 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc bị đơn bà Lê Thị N1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự: Bà Lê Thị N1 phải chịu 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000508 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị L được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/9/2020. Bị đơn bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn N được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Văn Lắm**